

Số: /TTr-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố
quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn
thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030**

*(Thay thế Tờ trình số 160/TTr-UBND ngày 29/6/2026
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 được sửa đổi, bổ sung ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Chương trình hành động số 02-CTr/TU, ngày 20/10/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/ĐH, ngày 27/9/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 13/5/2024 về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 19/01/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 13/5/2024;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-TTHĐND ngày 30/3/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 5869/TTr-SGDĐT ngày 13/9/2026, Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2024/NQ-HĐND

Thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2024 - 2030 (*có hiệu lực từ 01/8/2024*); trong đó, quy định Danh mục hỗ trợ đào tạo, gồm 09 nghề: Logistics, Điện tử công nghiệp, Điện công nghiệp, Hàn, Công nghệ ô tô, Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm), Quản trị khách sạn, Điều dưỡng, Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ.

Mức hỗ trợ bằng 50% mức thu học phí người học phải nộp tại cơ sở đào tạo đối với người học là người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp học trình độ trung cấp tại các trường trung cấp, cao đẳng trên địa bàn thành phố; hỗ trợ 900.000 đồng/người/tháng đối với người học là học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và tương đương trở lên học trình độ trung cấp; người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các trường trung cấp, trường cao đẳng trên địa bàn thành phố; hỗ trợ nhà giáo cơ hữu dạy trung cấp, cao đẳng công lập tự chủ nhóm 3 trực thuộc thành phố 10.000.000 đồng/người/khóa học bồi dưỡng chuẩn năng lực thực hành nghề; hỗ trợ người lao động kỹ thuật của doanh nghiệp và nghệ nhân cấp tỉnh trở lên bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm 3.000.000 đồng/người/khóa.

Điều kiện được nhận hỗ trợ: Có cam kết làm việc phù hợp với nghề được hỗ trợ đào tạo tại thành phố Hải Phòng tối thiểu 03 năm ngay sau khi tốt nghiệp; Có cam kết về giải quyết việc làm giữa các trường trung cấp, trường cao đẳng trực tiếp tuyển sinh, đào tạo với các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố thông qua hợp đồng tiếp nhận lao động sau đào tạo.

Kết quả thực hiện: Từ tháng 8/2024 đến hết tháng 4/2026, có 537 học sinh, sinh viên của 07 trường (06 cao đẳng, 01 trung cấp) khu vực phía Đông đề nghị được hỗ trợ theo chính sách quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND. Năm 2025, thành phố đã bố trí hơn 31 tỷ đồng, song kinh phí thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND mới được 4,8 tỷ đồng (đạt 15,4%). Năm 2026, thành phố đã bố trí hơn 38,2 tỷ đồng hỗ trợ người học, hỗ trợ nhà giáo theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND.

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND đã góp phần thu hút học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông học lên trình độ trung cấp, cao đẳng; từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết nhà trường - doanh nghiệp, tăng cường đào tạo lao động đáp ứng yêu cầu của thị trường; góp phần cung cấp nguồn lao động chất lượng cao cho thị trường lao động trong và ngoài nước.

II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT THAY THẾ NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2024/NQ-HĐND

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Ngày 13/5/2024 Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng (cũ) ban hành Nghị quyết số 14-NQ/TU về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Ngày 19/01/2026, Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 13/5/2024; trong đó sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ năm của điểm 2 Mục III về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp như sau: *“rà soát, điều chỉnh một số chính sách đặc thù tạo chuyển biến đột phá trong giáo dục nghề nghiệp; trong đó tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số nghề được khuyến khích, ưu tiên hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại, chú trọng đào tạo thường xuyên, đào tạo kỹ năng nghề, đào tạo ngoại ngữ cho người lao động, tăng cường tuyển sinh, đào tạo các nghề thị trường lao động có nhu cầu. Hỗ trợ nhà giáo trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, kỹ sư, chuyên gia làm việc trong các doanh nghiệp tham gia đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm...”*;

Thực hiện quy định của điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) và Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật sau:

- Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2024 - 2030;

- Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định chính sách hỗ trợ người lao động đã qua đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Ngày 26/10/2025, Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Nghị quyết số 52/NQ-HĐND về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) và tỉnh Hải Dương ban hành trên địa bàn thành phố Hải Phòng (mới), trong đó Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024, Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2024-2030 được áp dụng để thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng (mới).

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số

87/2025/QH15 quy định hiệu lực về không gian của văn bản quy phạm pháp luật như sau: *“Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”*.

Theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

“c. Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp”.

Theo quy định tại điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: *“Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”*.

Ngày 30/3/2026, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 11/QĐ-TTHĐND chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030;

- Cơ quan trình dự thảo Nghị quyết: Ủy ban nhân dân thành phố.
- Thời gian dự kiến trình thông qua Nghị quyết: Kỳ họp chuyên đề (tháng 9 năm 2026) của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Cơ sở thực tiễn

Từ ngày 01/7/2026, trên địa bàn thành phố có 33 cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm 22 trường cao đẳng, 11 trường trung cấp (phía Đông có 16 trường cao đẳng, 07 trường trung cấp; phía Tây có 06 trường cao đẳng, 04 trường trung cấp) (Chi tiết theo Phụ lục I).

Ngoài ra, trên địa bàn thành phố còn có 39 cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp gồm 14 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 11 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, 03 trung tâm giáo dục thường xuyên và 11 doanh nghiệp (phía Đông có 08 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 07 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, 01 trung tâm giáo dục

thường xuyên; phía Tây có 06 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 04 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, 02 trung tâm giáo dục thường xuyên và 11 doanh nghiệp).

Giai đoạn 2023 - 2025, trung bình mỗi năm các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển sinh đạt khoảng 90.000 học sinh, sinh viên, học viên; trong đó, trình độ cao đẳng, trung cấp khoảng 16.500 học sinh, sinh viên (chiếm 18%); trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng khoảng 73.500 học viên (chiếm 82%).

Thành phố Hải Phòng đang bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, logistics, kinh tế biển, năng lượng sạch. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 13%/năm trở lên; tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt trên 35%; tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế biến, chế tạo đạt trên 60%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt khoảng 11%/năm; đến năm 2030 có khoảng 87.000 doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thành phố và tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 55%.

Trong bối cảnh thành phố tiếp tục mở rộng các khu công nghiệp, khu kinh tế, đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước và FDI, nhu cầu sử dụng lao động kỹ thuật trực tiếp có tay nghề, kỹ năng nghề nghiệp ở các ngành nghề trọng điểm ngày càng lớn. Vì vậy, thành phố cần thiết phải rà soát, điều chỉnh một số chính sách đặc thù tạo chuyển biến đột phá trong giáo dục nghề nghiệp, nhằm tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, cung cấp cho thị trường lao động nguồn nhân lực kỹ thuật có kỹ năng nghề chất lượng cao; tạo điều kiện cho người lao động yên tâm công tác sau khi tốt nghiệp, gắn bó lâu dài với nghề, ổn định và phát triển cuộc sống tại thành phố Hải Phòng.

Với các căn cứ chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 thay thế Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND là cần thiết.

3. Đánh giá tác động của chính sách

Việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 dự kiến mang lại những tác động tích cực đối với người học, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và công tác quản lý nhà nước, đồng thời góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong giai đoạn mới. Cụ thể như sau:

Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và bồi dưỡng chuyên môn góp phần giảm gánh nặng tài chính cho người học, đặc biệt là học sinh, người lao động và các đối tượng chính sách, qua đó khuyến khích người học lựa chọn đào tạo ở các ngành, nghề mà thành phố đang có nhu cầu sử dụng lao động cao. Việc quy định người

học sau khi tốt nghiệp phải làm việc tại doanh nghiệp trên địa bàn thành phố trong thời gian nhất định mới được hưởng hỗ trợ không chỉ bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước mà còn góp phần định hướng người học gắn đào tạo với việc làm, nâng cao trách nhiệm của người học đối với nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, hạn chế tình trạng hưởng chính sách nhưng không tham gia thị trường lao động tại địa phương.

Đối với các đối tượng thuộc diện người có công với cách mạng, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, việc được hỗ trợ chi phí học tập trong quá trình học sẽ tạo điều kiện thuận lợi để tiếp cận giáo dục nghề nghiệp, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện chính sách bình đẳng trong tiếp cận giáo dục.

Chính sách tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc cử người lao động tham gia đào tạo, đào tạo lại hoặc bồi dưỡng theo nhu cầu sử dụng lao động. Việc gắn chính sách hỗ trợ với điều kiện người học làm việc tại doanh nghiệp trên địa bàn thành phố sau khi tốt nghiệp góp phần ổn định nguồn nhân lực kỹ thuật, giảm chi phí tuyển dụng và đào tạo lại của doanh nghiệp, đồng thời tăng cường sự gắn kết giữa doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong quá trình đào tạo và sử dụng lao động. Bên cạnh đó, doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp xác nhận quá trình làm việc của người lao động theo quy định để làm căn cứ giải quyết chính sách. Trách nhiệm này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới mà chủ yếu dựa trên hồ sơ quản lý lao động hiện có của doanh nghiệp.

Nghị quyết tạo động lực để các trường trung cấp, trường cao đẳng trên địa bàn thành phố mở rộng tuyển sinh đối với các ngành, nghề trọng điểm, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc tăng cường bồi dưỡng năng lực thực hành nghề cho đội ngũ nhà giáo và bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ chuyên gia, nghệ nhân, người làm công việc kỹ thuật tham gia giảng dạy. Chính sách góp phần thực hiện chủ trương phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực kỹ thuật phục vụ các ngành công nghiệp, logistics, công nghệ cao, dịch vụ, du lịch, y tế và các lĩnh vực kinh tế biển là những ngành có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển của thành phố Hải Phòng. Việc thu hút người học theo học các ngành, nghề thành phố có nhu cầu, đồng thời giữ chân người lao động sau đào tạo làm việc tại địa phương sẽ góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

So với Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND, dự thảo Nghị quyết điều chỉnh cơ chế hỗ trợ theo hướng tăng cường gắn trách nhiệm của người được hỗ trợ với nghĩa vụ làm việc tại doanh nghiệp trên địa bàn thành phố sau đào tạo; đồng thời quy định cơ chế hoàn trả kinh phí đối với các trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ cam kết. Quy định này góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, bảo đảm kinh phí hỗ trợ được sử dụng đúng mục đích

và hướng tới đúng đối tượng có đóng góp cho sự phát triển nguồn nhân lực của thành phố. Chính sách được xây dựng trên cơ sở kế thừa các nội dung còn phù hợp của Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND, đồng thời sửa đổi những nội dung còn bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện, bảo đảm thống nhất với các quy định của pháp luật hiện hành. Các điều kiện hỗ trợ, phương thức chi trả, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và người được hưởng chính sách được quy định tương đối rõ ràng, tạo thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và xử lý các trường hợp vi phạm cam kết.

Có thể thấy, việc rà soát, ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 có tính đột phá, kịp thời tháo gỡ những điểm nghẽn trong quá trình xây dựng và phát triển đội ngũ lao động chất lượng cao, có kỹ năng nghề; từ đó, đội ngũ nhà giáo, học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng có thêm động lực, trách nhiệm, chủ động nâng cao trình độ chuyên môn; kiến thức, kỹ năng, năng lực làm việc, hiểu biết xã hội, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động trên nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn với con người xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hải Phòng, đóng góp công sức, trí tuệ vào sự nghiệp xây dựng, phát triển thành phố và đất nước, hướng tới mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; thực sự là lực lượng tiên phong trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa phục vụ phát triển kinh tế thành phố, góp phần xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành thành phố văn minh, hạnh phúc, thực hiện mục tiêu đất nước trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

- Việc xây dựng Nghị quyết nhằm mục đích phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật Trung ương mới ban hành, có căn cứ pháp lý để cấp có thẩm quyền triển khai áp dụng chính sách hỗ trợ kinh phí bảo đảm đúng quy định của pháp luật, bảo đảm đồng bộ quyền lợi, chế độ, chính sách cho người học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và nhà giáo (sau học nhất).

- Rà soát, thống nhất Danh mục nghề khuyến khích hỗ trợ đào tạo, bảo đảm phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng (sau học nhất);

- Thu hút, tăng tuyển sinh học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn thành phố; nhằm cung cấp cho thị trường lao động nguồn nhân lực kỹ thuật có kỹ năng nghề chất lượng cao; tạo điều kiện cho người lao động yên tâm công tác sau khi tốt nghiệp, gắn bó lâu dài với nghề, ổn định và phát triển cuộc sống tại thành phố Hải Phòng; đồng thời cũng nhằm tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của thành phố Hải Phòng.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Chính sách phải phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của thành phố và khả năng cân đối nguồn ngân sách.
- Phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- Bảo đảm chính sách được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, tính khả thi cao.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện quy định về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, ngày 10/3/2026, Sở Giáo dục và Đào tạo có Tờ trình số 1358/TTr-SGDĐT về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030;

Ngày 18/3/2026, Ủy ban nhân dân thành phố có Tờ trình số 82/TTr-UBND về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030;

Ngày 30/3/2026, Hội đồng nhân dân thành phố có Quyết định số 11/QĐ-TTHĐND chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030;

Triển khai thực hiện Quyết định số 11/QĐ-TTHĐND của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố có Công văn số 3472/VP-VX ngày 01/4/2026 về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030, trong đó giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động xây dựng, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết bảo đảm chất lượng, tiến độ và trình tự, thủ tục theo quy định; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để trình tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Ngày 08/5/2026, Sở Tư pháp có báo cáo số 143/BC-STP thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030.

Thực hiện Thông báo số 474-TB/TU ngày 14/7/2026 của Thành ủy Hải Phòng về ý kiến của Thường trực Thành ủy về chủ trương trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030, Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, tiếp thu đầy đủ các ý kiến tham gia tại cuộc họp, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết bảo đảm các nhóm đối tượng được thụ hưởng đầy đủ, kịp thời, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách bảo đảm tạo điều kiện để mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận chính sách.

Ngày 22/7/2026, Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố có Tờ trình số 93-TTr/ĐU báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy sớm thông qua chủ trương ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 (*thay thế Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng*).

Ngày 11/9/2026, Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố có Công văn số 93-CV/ĐU đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy thông qua chủ trương ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 theo nội dung đề xuất tại Tờ trình số 93-TTr/ĐU ngày 22/7/2026.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 06 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
- Điều 2. Mức hỗ trợ
- Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện và thời gian hỗ trợ
- Điều 4. Kinh phí thực hiện
- Điều 5. Hiệu lực thi hành
- Điều 6. Tổ chức thực hiện

2. Điểm mới của dự thảo Nghị quyết

Kế thừa và phát huy các nội dung tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng, dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030 giữ nguyên đối tượng áp dụng và mức hỗ trợ của Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND và đề xuất sửa đổi một số nội dung mới như sau:

- Về Danh mục nghề hỗ trợ đào tạo: Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 bao gồm 14 nghề, gồm: Logistics; Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Hàn; Công nghệ ô tô; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Quản trị khách sạn; Điều dưỡng; Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ; Cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Thương mại điện tử; Tự động hóa công nghiệp; Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (tăng 05 nghề so với Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND, cụ thể: Cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Thương mại điện tử; Tự động hóa công nghiệp; Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh, đã được thông qua tại Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 18/3/2026 sửa đổi, bổ sung Quyết định 3473/QĐ-UB ngày

30/9/2024 của UBND thành phố phê duyệt Đề án “Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

- Về đối tượng áp dụng: sửa điểm c Khoản 2 Điều 1 “Nhà giáo cơ hữu đang trực tiếp giảng dạy trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các trường trung cấp, trường cao đẳng công lập trên địa bàn thành phố chưa đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực thực hành nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng”. Nội dung sửa đổi này nhằm bảo đảm các nhà giáo cơ hữu dạy tại các trường trung cấp, trường cao đẳng công lập trên địa bàn thành phố đều được thụ hưởng công bằng.

Tên gọi “chứng chỉ kỹ năng nghề” tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND là theo quy định tại Luật giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung cấp, giảng viên cao đẳng trước đây, tuy nhiên theo tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung cấp, giảng viên cao đẳng tại Thông tư số 24/2026/TT-BGDĐT ngày 09/4/2026 quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên sơ cấp, giáo viên trung cấp và Thông tư 25/2026/TT-BGDĐT ngày 09/4/2026 quy định chuẩn nghề nghiệp giảng viên cao đẳng, thì nhà giáo dạy thực hành phải có bằng cao đẳng hoặc năng lực thực hành nghề để dạy thực hành ngành, nghề giảng dạy.

- Về mức hỗ trợ: Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND quy định người học nghề theo Danh mục nghề hỗ trợ đào tạo tại Nghị quyết này được hỗ trợ 50% mức thu học phí người học phải nộp tại cơ sở đào tạo theo quy định. Tuy nhiên, Nghị quyết không quy định mức trần học phí, vì vậy, sẽ khó khăn trong việc tính hỗ trợ đối với các trường tư thục, trường có yếu tố nước ngoài được tự quyết định mức thu học phí.

Vì vậy, dự thảo Nghị quyết mới bổ sung như sau: “Đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này học trình độ trung cấp theo Danh mục nghề hỗ trợ đào tạo tại Nghị quyết này được hỗ trợ 50% mức thu học phí của cơ sở đào tạo người học phải nộp, mức học phí làm căn cứ tính hỗ trợ tối đa bằng mức trần học phí đối với chương trình đào tạo trình độ trung cấp tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.”

- Về nguyên tắc hỗ trợ: Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND quy định người học “*được cấp kinh phí hỗ trợ không quá 10 tháng/năm học, thực hiện chi trả vào đầu học kỳ của năm học liền kề*”, với rất nhiều ràng buộc gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện nếu sau khi người học nhận hỗ trợ nhưng không bảo đảm thực hiện các cam kết như: không tham gia hoàn thành khóa học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo theo quy định; không làm việc phù hợp với nghề được hỗ trợ đào tạo tại thành phố Hải Phòng tối thiểu 03 năm ngay sau khi tốt nghiệp như cam kết.

Vì vậy, để bảo đảm chất lượng đầu ra và hiệu quả sử dụng ngân sách thành phố, tránh lãng phí, tuy nhiên vẫn bảo đảm tính kịp thời, nhân văn của chính sách, dự thảo Nghị quyết mới quy định cụ thể đối với từng loại đối tượng người học được hỗ trợ như sau:

Người học có đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Hải Phòng, sau khi được cấp bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đối với nghề thuộc Danh mục nghề hỗ trợ đào tạo có cam kết làm việc liên tục cho doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng tối thiểu 20 tháng đối với người học trình độ trung cấp và tối thiểu 30 tháng đối với người học trình độ cao đẳng. Việc hỗ trợ được thực hiện như sau:

Đối với người học là người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp kinh phí hỗ trợ không quá 10 tháng/năm học, thực hiện chi trả vào đầu học kỳ của năm học liền kề, có cam kết hoàn thành khóa học, được cấp bằng tốt nghiệp và cam kết làm việc theo quy định tại điểm này.

Đối với các đối tượng còn lại, được hỗ trợ một lần sau khi người học nhận bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, được người sử dụng lao động ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định, đồng thời cam kết làm việc theo quy định tại điểm này.

Người học có đăng ký thường trú khác ngoài thành phố Hải Phòng, được hỗ trợ một lần sau khi được cấp bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đối với nghề thuộc Danh mục nghề hỗ trợ đào tạo và làm việc liên tục cho doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng tối thiểu 20 tháng đối với người học trình độ trung cấp và tối thiểu 30 tháng đối với người học trình độ cao đẳng.

Đồng thời, cũng quy định rõ hình thức chi trả hỗ trợ kinh phí được thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của đối tượng được hưởng chính sách.

- Về điều kiện hỗ trợ: Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND quy định người học phải thực hiện cam kết tham gia hoàn thành khóa học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo theo quy định; cam kết làm việc phù hợp với nghề được hỗ trợ đào tạo tại thành phố Hải Phòng tối thiểu 03 năm ngay sau khi tốt nghiệp; cam kết về giải quyết việc làm giữa các trường trung cấp, trường cao đẳng trực tiếp tuyển sinh, đào tạo với các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố thông qua Hợp đồng tiếp nhận lao động sau đào tạo.

Dự thảo Nghị quyết mới quy định đối với người học có đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Hải Phòng:

Trường hợp cấp kinh phí hỗ trợ trong thời gian học, người học phải có văn bản cam kết hoàn thành khóa học và được cấp bằng tốt nghiệp; có văn bản cam kết thực hiện nghĩa vụ làm việc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Trường hợp cấp kinh phí hỗ trợ một lần sau khi nhận bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, người học phải có văn bản cam kết làm việc liên tục tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng tối thiểu 20 tháng đối với người học trình độ trung cấp và tối thiểu 30 tháng đối với người học trình độ cao đẳng; được người sử dụng lao động ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định.

Việc quy định này bảo đảm công bằng cho người học từng trình độ khác nhau, cam kết thời gian về việc làm khác nhau.

Tuy nhiên, Nghị quyết vẫn bảo đảm tính nhân văn khi có quy định riêng đối với các đối tượng yếu thế được cấp kinh phí hỗ trợ không quá 10 tháng/năm học, thực hiện chi trả vào đầu học kỳ của năm học liền kề, bảo đảm người yếu thế khi đi học sẽ nhận được tiền hỗ trợ chi phí học tập kịp thời, trang trải cuộc sống, tuy nhiên, đối tượng này phải có văn bản cam kết hoàn thành khóa học và được cấp bằng tốt nghiệp; cam kết thực hiện nghĩa vụ làm việc theo quy định (tối thiểu 20 tháng đối với người học trình độ trung cấp và tối thiểu 30 tháng đối với người học trình độ cao đẳng).

Dự thảo Nghị quyết cũng quy định rõ thêm đối với nhà giáo cơ hữu được hỗ trợ theo chính sách phải có văn bản cam kết giảng dạy trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các trường trung cấp, trường cao đẳng công lập trên địa bàn thành phố tối thiểu 36 tháng kể từ ngày được cấp chứng chỉ, để bảo đảm sự công bằng giữa nhà giáo cơ hữu và nhà giáo thỉnh giảng (Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND không quy định cam kết giảng dạy đối với đối tượng nhà giáo cơ hữu).

- Về thời gian thực hiện hỗ trợ:

Dự thảo Nghị quyết bổ sung nội dung “Thời gian thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ theo chính sách tại Nghị quyết này kết thúc vào năm 2036”.

Việc quy định sau khi người học có đăng ký thường trú ngoài thành phố Hải Phòng hoàn thành chương trình học, được cấp bằng tốt nghiệp và làm việc liên tục cho doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng tối thiểu 20 tháng đối với người học trình độ trung cấp và tối thiểu 30 tháng đối với người học trình độ cao đẳng (*quy định thời gian đi làm bằng thời gian hưởng hỗ trợ chính sách*), dẫn đến thời gian thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ sẽ kéo dài đến năm 2036, là khóa tuyển sinh cuối cùng năm 2030 học trình độ cao đẳng, thời gian học là 03 năm và sau khi hoàn thành cam kết về việc làm liên tục tại doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tối thiểu 30 tháng.

- Hoàn trả kinh phí hỗ trợ: Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND quy định: Trong trường hợp người được hỗ trợ không thực hiện đầy đủ các cam kết phải thực hiện việc hoàn trả 100% số kinh phí đã được nhận hỗ trợ và các chi phí khác theo quy định; trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định bồi thường kinh phí, người được hỗ trợ phải nộp đầy đủ kinh phí đền

bù theo quy định. Quá thời hạn trên, nếu không chấp hành việc đền bù thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, để bảo đảm quy định chặt chẽ hơn về việc bồi hoàn kinh phí, dự thảo Nghị quyết mới quy định chi tiết các trường hợp phải hoàn trả kinh phí/không phải hoàn trả kinh phí do các nguyên nhân khách quan, cũng như phân định rõ đơn vị có trách nhiệm thực hiện thu hồi kinh phí do người hưởng chính sách hỗ trợ không đáp ứng được các điều kiện thụ hưởng, cụ thể:

Người học có đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Hải Phòng đã được cấp kinh phí hỗ trợ nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ cam kết theo quy định thì phải hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ đã nhận.

Nhà giáo không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ cam kết giảng dạy theo quy định thì phải hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ đã nhận.

Trường hợp người được hưởng chính sách hỗ trợ bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn hoặc vì lý do bất khả kháng khác dẫn đến mất khả năng lao động hoặc chết trong thời gian thực hiện cam kết thì không phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ đã nhận.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu trường trung cấp, trường cao đẳng có quyết định yêu cầu hoàn trả kinh phí, người được hỗ trợ phải hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ đã nhận. Quá thời hạn trên, nếu không chấp hành việc hoàn trả kinh phí thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

3.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

3.1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030.

Danh mục nghề hỗ trợ đào tạo: 14 nghề, gồm: Logistics; Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Hàn; Công nghệ ô tô; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Quản trị khách sạn; Điều dưỡng; Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ; Cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Thương mại điện tử; Tự động hóa công nghiệp; Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh.

3.1.2. Đối tượng áp dụng

a) Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đã tốt nghiệp hoặc hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở và tương đương trở lên, chưa có bằng cấp, chứng chỉ phù hợp với vị trí làm việc theo nhu cầu của doanh nghiệp, được doanh nghiệp cử đi học trình độ trung cấp tại các trường trung cấp, trường cao đẳng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Học sinh tốt nghiệp hoặc hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở và tương đương trở lên học trình độ trung cấp; người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các trường trung cấp, trường cao đẳng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

c) Nhà giáo cơ hữu đang trực tiếp giảng dạy trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các trường trung cấp, trường cao đẳng công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng chưa đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực thực hành nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

d) Người làm công việc kỹ thuật tại các doanh nghiệp, nghề nhân cấp tỉnh trở lên, đáp ứng tiêu chí về trình độ đào tạo của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp nhưng chưa đáp ứng tiêu chí về trình độ nghiệp vụ sư phạm, có nhu cầu giảng dạy trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo hình thức thỉnh giảng tại các trường trung cấp, trường cao đẳng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

đ) Trường trung cấp, trường cao đẳng, phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng, địa điểm đào tạo của trường trung cấp, trường cao đẳng được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng, doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

3.2. Chính sách hỗ trợ người học

- Người học là người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố đã tốt nghiệp hoặc hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở và tương đương trở lên, chưa có bằng cấp, chứng chỉ phù hợp vị trí làm việc theo nhu cầu của doanh nghiệp, được doanh nghiệp cử đi học trình độ trung cấp tại các trường trung cấp, trường cao đẳng trên địa bàn thành phố học nghề theo Danh mục nghề hỗ trợ đào tạo tại Nghị quyết được hỗ trợ 50% mức thu học phí người học phải nộp tại cơ sở đào tạo theo quy định, mức học phí làm căn cứ tính hỗ trợ tối đa bằng mức trần học phí đối với chương trình đào tạo trình độ trung cấp tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

- Người học là học sinh tốt nghiệp hoặc hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở và tương đương trở lên học trình độ trung cấp; người có bằng tốt nghiệp THPT học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các trường trung cấp, trường cao đẳng trên địa bàn thành phố học nghề theo Danh mục nghề hỗ trợ đào tạo tại Nghị quyết được hỗ trợ chi phí học tập với mức hỗ trợ: 900.000 đồng/người/tháng.

3.3. Chính sách hỗ trợ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

a) Hỗ trợ bồi dưỡng năng lực thực hành nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp, cao đẳng

Nhà giáo cơ hữu đang trực tiếp giảng dạy trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các trường trung cấp, trường cao đẳng công lập trên địa bàn thành phố, chưa đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực thực hành nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng được hỗ trợ bồi dưỡng năng lực thực hành nghề theo Danh mục nghề hỗ trợ đào tạo tại Nghị quyết với mức hỗ trợ một lần, tối đa: 10.000.000 đồng/người/khóa học.

b) Hỗ trợ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm

Người làm công việc kỹ thuật tại các doanh nghiệp, nghề nhân cấp tỉnh trở lên, đáp ứng tiêu chí về trình độ đào tạo của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp nhưng chưa đáp ứng tiêu chí về trình độ nghiệp vụ sư phạm, có nhu cầu giảng dạy trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo hình thức thỉnh giảng tại các trường trung cấp, trường cao đẳng trên địa bàn thành phố được hỗ trợ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm với mức hỗ trợ một lần, tối đa: 3.000.000 đồng/người/khóa học.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Kinh phí thực hiện

a) Dự kiến tổng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030: 699.847.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi chín tỷ, tám trăm bốn mươi bảy triệu đồng); từ năm 2031 - 2033 thực hiện chi trả hỗ trợ chính sách đào tạo nghề cho các đối tượng tuyển sinh năm 2030, cụ thể:

Năm 2026: 18.211.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tám tỷ, hai trăm mười một triệu đồng);

Năm 2027: 12.470.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai tỷ, bốn trăm bảy mươi triệu đồng);

Năm 2028: 94.056.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi bốn tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu đồng);

Năm 2029: 121.878.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi một tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu đồng);

Năm 2030: 134.458.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tư tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu đồng);

Năm 2031: 146.097.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi sáu tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu đồng);

Năm 2032: 148.737.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám tỷ, bảy trăm ba mươi bảy triệu đồng);

Năm 2033: 23.940.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ, chín trăm bốn mươi triệu đồng);

(Chi tiết theo các biểu Phụ lục II, III, IV, V, VI, VII)

b) Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết bao gồm:

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết: các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết và các quy định liên quan.

- Kinh phí phổ biến, tuyên truyền Nghị quyết sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên đã giao trong dự toán chi ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Về nhân lực

Nghị quyết sau khi được thông qua và ban hành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc đối tượng áp dụng có trách nhiệm sử dụng nguồn nhân lực hiện có; không phát sinh thêm bộ máy, biên chế; không phát sinh thủ tục hành chính; không có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xem xét ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 (thay thế Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng), Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Các tài liệu gửi kèm theo:

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030.

- Báo cáo số 2373/SGĐĐT-GDTX, GDNN&ĐH ngày 28/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2024 - 2030;

- Bản so sánh, thuyết minh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thay thế Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

- Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia vào hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030;

- Các ý kiến góp ý của các sở, ngành, đơn vị vào hồ sơ dự thảo Nghị quyết;

- Báo cáo số 143/BC-STP ngày 08/5/2026 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030).

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU; TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các Sở: TP, GDĐT, TC, NV;
- Văn phòng Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- CPVP UBND TP;
- Các phòng: VX, TC, TH, NV&KTGS;
- Lưu: VT, L.Th.Hiền.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Trọng Đức

Phụ lục I. Danh sách các cơ sở giáo dục nghề nghiệp
 (Kèm theo Tờ trình số/TTr-UBND ngày /... /2026
 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH
1	Trường CD Cơ giới xây dựng	Số 9, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Chu Văn An, TP Hải Phòng
2	Trường CD Du lịch và Công thương	Km 43, Quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, TP Hải Phòng
3	Trường CD Giao thông vận tải đường bộ	Phường Trần Hưng Đạo - Thành phố Hải Phòng
4	Trường CD Dược Trung ương Hải Dương	Số 324, Nguyễn Lương Bằng, P Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Phòng
5	Trường CD nghề Hải Dương	Tiền Trung, P. Ai Quốc, Thành phố Hải Phòng
6	Trường CD Kinh tế và Công nghệ	Thôn Dường Thái, Xã Phú Thái, TP Hải Phòng
7	Trường CD Kỹ thuật Hải Phòng	Xã An Khánh, Hải Phòng;
8	Trường CD Y tế Hải Phòng	Số 169 Trần Nguyên Hãn, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng
9	Trường CD Công nghệ Viettronics	Số 118 Đường Cát Bi, Phường Hải An, Tp Hải Phòng
10	Trường CD Giao thông vận tải Trung ương II	P. An Hải - TP. Hải Phòng
11	Trường CD Kinh tế - Kỹ thuật Bắc bộ	Số 184 đường 5 mới, P. Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
12	Trường CD Du lịch Hải Phòng	Phường An Dương, TP Hải Phòng.
13	Trường CD Thủy sản và Công nghệ thực phẩm	Phường Đồ Sơn, TP. Hải Phòng;
14	Trường CD VMU	Số 211 Đường Hải Triều, phường Hồng An, Thành phố Hải Phòng;
15	Trường CD Hàng hải và Đường thủy I	Số 498 Đường Đà Nẵng, Phường Đông Hải TP Hải Phòng;
16	Trường CD Bách nghệ Hải Phòng	Số 70 Mạc Quyết, phường Hưng Đạo, TP Hải Phòng
17	Trường CD Công nghệ Bách khoa Hà Nội	Số 90/243 Trường Chinh, P. Kiến An, thành phố Hải Phòng
18	Trường CD Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Số 156/109 đường Trường Chinh, phường Kiến An, TP Hải Phòng
19	Trường CD FPT Polytechnic	Địa điểm đào tạo tại Hải Phòng: 118 Cát Bi, Hải An, Hải Phòng
20	Trường CD Y Dược Hà Nội	Địa điểm đào tạo tại Hải Phòng: 90/243 Trường Chinh, P. Kiến An, Hải Phòng
21	Trường CDN số 20 - Bộ Quốc phòng	Số 248 đường Lê Duẩn, P. Kiến An, thành phố Hải Phòng
22	Trường CD Công nghệ số và Quản trị xanh Việt Nam	Km 87 quốc lộ 10, phường An Dương, thành phố Hải Phòng

23	Trường TC Ngoại ngữ Kỹ thuật và Công nghệ	Số 189 Nguyễn Lương Bằng, P. Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng
24	Trường TC nghề công nghệ cao Việt Đức	Số 6 Lê Thanh Nghị, P. Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng
25	Trường TCN Việt Nam-Canada	Cộng Hòa, P. Chu Văn An, TP Hải Phòng
26	Trường TCN CNT	Lô 20-Ô11+12-Vạn Lộc-Tây Nam Cường-P.Tứ Minh, TP Hải Phòng
27	Trường TC Văn hóa nghệ thuật và Du lịch Hải Phòng	Số 36 Hào Khê, P. Hải An, TP Hải Phòng
28	Trường TCN Kỹ thuật xi măng	Số 3 Đường Hà Nội, phường Hồng Bàng, Hải Phòng
29	Trường TC Du lịch Thăng Long	Số 8A Lán Bè, P. An Biên, Hải Phòng
30	Trường TC Bách khoa Hải Phòng	Số 1 đường Hồng Đức, Khu đô thị Cự Viên, Phường Kiến An, Thành phố Hải Phòng
31	Trường TC Chuyên nghiệp Hải Phòng	Số 39 Lương Khánh Thiện, phường Gia Viên, TP Hải Phòng
32	Trường TC Tài chính - Kế toán	29 Lực Hành, phường Hải An, TP Hải Phòng
33	Trường TC Y khoa Việt Nam	Địa điểm đào tạo tại Hải Phòng: Xã Kiến Thụy - TP Hải Phòng

Phụ lục II. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề
(Kèm theo Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../.../2026
của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số người học	Tổng số tiền	NSNN	Nguồn thu sự nghiệp
1	2	3	4	5	6
1	Hỗ trợ người học	34.990	696.897	696.897	0
1.1	Hỗ trợ học phí cho người lao động học trình độ trung cấp	720	17.136	17.136	0
1.2	Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và tương đương trở lên học trình độ trung cấp; người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng	34.270	679.761	679.761	0
2	Hỗ trợ nhà giáo GDNN	400	2.950	2.950	0
2.1	Bồi dưỡng kỹ năng nghề cho nhà giáo cơ hữu	250	2.500	2.500	0
2.2	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo thỉnh giảng	150	450	450	0
	Tổng	35.390	699.847	699.847	-

Tổng số người được hỗ trợ: 35.390 người

Tổng số tiền: **699.847.000.000** đồng

(Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi chín tỷ, tám trăm bốn mươi bảy triệu đồng)

Phụ lục III. Bảng so sánh tăng/giảm so với giai đoạn trước, năm trước (năm 2025)
 (Kèm theo Tờ trình số ... /TTr-UBND ngày ... /... /2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Nội dung tại Quyết định số 3473/QĐ-UBND (giai đoạn 2024 - 2030)				Nội dung điều chỉnh (giai đoạn 2026-2030)				Chênh lệch		Thuyết minh tăng/giảm
		Tổng số người học	Tổng số tiền	NSNN	Nguồn thu sự nghiệp	Tổng số người học	Tổng số tiền	NSNN	Nguồn thu sự nghiệp	Tổng số người học	Tổng số tiền tăng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Hỗ trợ người học	22.015	425.563,2	425.563,2	0	34.990	696.897	696.897	0	12.975	271.333,8	Sau khi sáp nhập, TP Hải Phòng (mới): - Tăng thêm 05 nghề (tổng 14 nghề); - Tăng số lượng trường cao đẳng, trung cấp tham gia thực hiện chính sách; - Tăng số lượng người học tuyển sinh - Tăng số lượng nhà giáo GDNN
1.1	Hỗ trợ học phí cho người lao động học trình độ trung cấp	475	9.853,2	9.853,2	0	720	17.136	17.136	0	245	7.282,8	
1.2	Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và tương đương trở lên học trình độ trung cấp; người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng	21.540	415.710	415.710	0	34.270	679.761	679.761	0	12.730	264.051	
2	Hỗ trợ nhà giáo GDNN	250	1.800	1.800	0	400	2.950	2.950	0	150	1.150	
2.1	Bồi dưỡng năng lực thực hành nghề cho nhà giáo cơ hữu	150	1.500	1.500	0	250	2.500	2.500	0	100	1.000	
2.2	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo thỉnh giảng	100	300	300	0	150	450	450	0	50	150	
	Tổng	22.265	427.363,2	427.363,2	-	35.390	699.847	699.847	-	13.125	272.483,8	

Số người được hỗ trợ tăng: 13.125 người
 Số tiền tăng: 272.483.800.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi hai tỷ, bốn trăm tám mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng)

Phụ lục IV. Kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /7/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Nội dung	Cộng		Giai đoạn 2026-2030									
				Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
		Số tiền (đồng)	Số người	Số tiền (đồng)	Số người	Số tiền (đồng)	Số người	Số tiền (đồng)	Số người	Số tiền (đồng)	Số người	Số tiền (đồng)	Số người
1	Hỗ trợ bồi dưỡng năng lực thực hành nghề cho nhà giáo cơ hữu (10.000.000đ/nhà giáo)	2.500.000.000	250	400.000.000	40	500.000.000	50	500.000.000	50	550.000.000	55	550.000.000	55
2	Hỗ trợ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm GDNN cho nhà giáo thỉnh giảng (3.000.000đ/nhà giáo)	450.000.000	150	90.000.000	30	90.000.000	30	90.000.000	30	90.000.000	30	90.000.000	30
	Cộng	2.950.000.000	400	490.000.000	70	590.000.000	80	590.000.000	80	640.000.000	85	640.000.000	85

Số tiền: 2.950.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng

Phụ lục V. Hỗ trợ người lao động của doanh nghiệp học trình độ trung cấp
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /7/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Năm	Số tuyển sinh hàng năm giai đoạn 2026-2030	Mức hỗ trợ (đồng/người /tháng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số người (người)	Số tiền (đồng)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(2)*(3)*(4)
2026	Tuyển mới	1.190.000		70	
2027	Tuyển mới	1.190.000		110	
2028	Tuyển mới	1.190.000		150	
	chi cho trung cấp 2026	1.190.000	20	70	1.666.000.000
2029	Tuyển mới	1.190.000		180	-
	chi cho trung cấp 2027	1.190.000	20	110	2.618.000.000
2030	Tuyển mới	1.190.000		210	-
	chi cho trung cấp 2028	1.190.000	20	150	3.570.000.000
2031	chi cho trung cấp 2029	1.190.000	20	180	4.284.000.000
2032	chi cho trung cấp 2030	1.190.000	20	210	4.998.000.000
	Cộng				17.136.000.000

Số tuyển mới giai đoạn 2026-2030: 720 người

Số tiền: 17.136.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười bảy tỷ một trăm ba mươi sáu triệu đồng)

Phụ lục VI. Hỗ trợ người tốt nghiệp THCS học trình độ trung cấp, người tốt nghiệp THPT học trình độ trung cấp, cao đẳng
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /7/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Năm	Số tuyển sinh hàng năm/nội dung	Cộng số người học	Cộng dự kiến kinh phí (tr.đồng)	Mức hỗ trợ (tr.đồng /người/tháng)	Trình độ cao đẳng			Trình độ trung cấp		
					Số người học	Kinh phí (tr.đồng)	Số tháng được hưởng	Số người học	Kinh phí (tr.đồng)	Số tháng được hưởng
2026	Tuyển mới	5.700		0,9	700			5.000		
	2024 chuyển sang	469	4.221	0,9	120	1.080	10	349	3.141	10
	2025 chuyển sang	1.500	13.500	0,9	750	6.750	10	750	6.750	10
	Chi năm 2026	1.969	17.721		870	7.830	10	1.099	9.891	10
2027	Tuyển mới	6.300	-	0,9	800			5.500		
	2025 chuyển sang	750	6.750	0,9	750	6.750	10			
	Chi năm 2027	1.320	11.880		820	7.380	10	500	4.500	10
2028	Tuyển mới	6.900	-	0,9	900			6.000		
	Chi năm 2028	4.600	72.000		150	1.350	10	4.450	70.650	20
2029	Tuyển mới	7.420	-	0,9	920			6.500		
	Chi năm 2029	5.290	87.030		80	720		4.570	71.910	20
2030	Tuyển mới	7.950	-	0,9	950			7.000		
	Chi năm 2030	6.562	109.458		812	17.208		2.750	92.250	20
2031	Chi năm 2031	7.467	125.253		887	18.963		6.580	106.290	20
2032	Chi năm 2032	7.595	135.279		915	21.339		6.680	113.940	20
2033	Chi năm 2033	2.990	59.670		840	20.970	30	2.150	38.700	20
2034	Chi năm 2034	2.520	47.160		200	5.400	30	2.320	41.760	20
2035	Chi năm 2035	250	6.750		250	6.750	30			
2036	Chi năm 2036	280	7.560		280	7.560	30			
	Cộng	34.270	679.761		4.270	20.734			549.891	

Số tuyển mới giai đoạn 2026-2030 là 34.270 người (trung cấp 30.000 người, cao đẳng: 4.270 người)

Số tiền: 679.761.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi chín tỷ, bảy trăm sáu mươi một triệu đồng)

Phụ lục VII. Dự kiến kinh phí bố trí theo từng năm
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /7/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đối tượng/Năm	Cộng	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034	2035	2036
1	Người tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp, người tốt nghiệp THPT học trình độ trung cấp, cao đẳng	679.761	17.721	11.880	72.000	87.030	109.458	125.253	135.279	59.670	47.160	6.750	7.560
2	Người lao động của doanh nghiệp học trình độ trung cấp	17.136			1.666	2.618	3.570	4.284	4.998				
3	Nhà giáo cơ hữu	2.500	400	500	500	550	550						
4	Nhà giáo thỉnh giảng	450	90	90	90	90	90						
	Cộng	699.847	18.211	12.470	74.256	90.288	113.668	129.537	140.277	59.670	47.160	6.750	7.560

Tổng số tiền: 699.847.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi chín tỷ, tám trăm bốn mươi bảy triệu đồng*).